

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING
Năm 2022

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần HTC Holding
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0104230142
- Vốn điều lệ: 60,500,000,000
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 60,500,000,000 VND
- Địa chỉ: Số 4 tầng 4, tòa nhà Daeha, 360 Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại: 0901771129
- Số fax
- Website: www.cetholding.vn
- Mã cổ phiếu: CET

Quá trình hình thành và phát triển:

Thời điểm/ Giai đoạn	Sự kiện
28/10/2009	Thành lập Công ty Cổ phần Tech Vina
01/08/2011	Nhà máy sản xuất tinh dầu đầu tiên đi vào hoạt động
01/01/2016	Xây dựng nhà máy tại Hà Nội
28/07/2018	Niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán Hà Nội
25/05/2021	Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần HTC Holding

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

❖ Ngành nghề kinh doanh:

Sản xuất chiết xuất các sản phẩm hương liệu tự nhiên

Sản xuất nước hương liệu chưng cất

Bán buôn nông sản (gạo)

Bán buôn vật liệu xây dựng.

❖ Các sản phẩm, dịch vụ kinh doanh chính:

Các hoạt động chính bao gồm sản xuất, kinh doanh tinh dầu quế, sản xuất mùn cưa từ bã cành lá quế của hệ thống chiết xuất tinh dầu quế, hoạt động thương mại các mặt hàng nông sản (gạo), mặt hàng vật liệu xây dựng.



Hoạt động sản xuất, chế biến tinh dầu quế của Công ty được diễn ra tại nhà máy huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Cành quế, vỏ quế, lá quế được thu mua từ hơn 8,000 hộ nông dân trồng quế trong vùng nguyên liệu 5,000ha liên kết với công ty sau đó vận chuyển về nhà máy sơ chế và đưa vào dây chuyền sản xuất, chế biến tinh dầu.

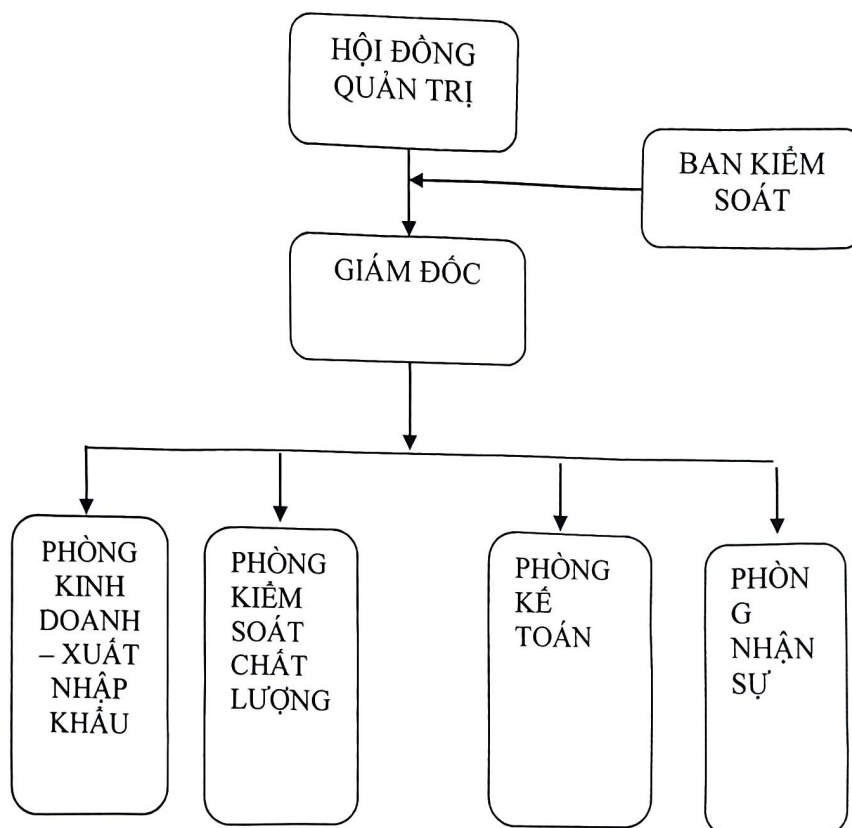
Sau gần 10 năm hoạt động trong ngành sản xuất tinh dầu và chất thơm tự nhiên. Hiện nay, Công ty Cổ phần HTC Holding đã thiết lập quan hệ với một số bạn hàng thân thiết và ngày càng mở rộng phạm vi kinh doanh trên thị trường quốc tế. Một số thị trường khách mục tiêu chính của Công ty như: Mỹ, Úc, Anh, Trung Quốc,....

Hoạt động thương mại các mặt hàng nông sản và mặt hàng vật liệu xây dựng mới được triển khai bắt đầu từ năm 2021. Nhằm mục đích mở rộng mặt hàng kinh doanh và quy mô doanh nghiệp, Công ty tiếp cận với lĩnh vực thương mại những mặt hàng mới để tìm kiếm các cơ hội tiềm năng. Thị trường hiện tại Công ty đang tập trung phát triển mặt hàng mới: Việt Nam.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

❖ Mô hình quản trị + Sơ đồ bộ máy quản lý:

Căn cứ theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và Điều lệ tổ chức hoạt động được Đại hội đồng cổ động Công ty thông qua ngày 24 tháng 02 năm 2018, Công ty Cổ phần HTC Holding có cơ cấu tổ chức như sau:



❖ Giới thiệu Ban lãnh đạo

Giới thiệu HĐQT

STT	Họ tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Lê Hoàng Đài Trang	CT HĐQT	0 Cổ phiếu	0%
2	Nguyễn Thành Trung	Thành viên HĐQT	0 Cổ phiếu	0%
3	Tạ Tiến Dũng	Thành viên HĐQT	0 Cổ phiếu	0%

Giới thiệu Ban kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bà Vi Thùy Trang	Trưởng BKS	0 Cổ phiếu	0%
2	Ông Chử Lương Huân	Thành viên BKS	0 Cổ phiếu	0%
3	Bà Phan Thị Nhung	Thành viên BKS	0 Cổ phiếu	0%

Giới thiệu ban điều hành

STT	Họ tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Quá trình công tác
1	Ông Tạ Tiến Dũng	Giám đốc	0	0	Từ tháng 5/2021 – 01/2022: Phó giám đốc Công ty cổ phần HTC Holding Từ tháng 01/2022 – nay: Giám đốc Công ty cổ phần HTC Holding

4. Định hướng phát triển

Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục duy trì và đẩy mạnh thực hiện công tác nghiên cứu thị trường, sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu của thị trường, sử dụng tối ưu nguồn lực con người và tài chính.

Về công tác bán hàng, Công ty tiếp tục mở rộng mạng lưới bán hàng trong chuỗi cung ứng nông sản cụ thể là ngành gạo và chất thơm tự nhiên, giúp khách hàng tiếp cận tốt với các thông tin về Công ty như sản phẩm, quy trình chất lượng, năng lực cung ứng,... Công ty tiếp cận các thị trường sản phẩm mới để đáp ứng nhu cầu thị trường, tìm kiếm khách hàng mới và nắm bắt hướng đi mới trên thị trường.

5. Các rủi ro

❖ Rủi ro về kinh tế:

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là thu mua và kinh doanh các loại hàng mặt hàng gạo. Các sản phẩm của Công ty hiện đang cung cấp cho chủ yếu cho các đối tác trong nước do vậy kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng rất lớn từ nền kinh tế, đặc biệt trong giai đoạn tình hình kinh tế khó khăn sau đại dịch 2022. Ngoài ra các yếu tố như tốc độ tăng trưởng kinh tế, chỉ số lạm phát,... có thể tác động trực tiếp đến tình hình kinh doanh của Công ty.

Rủi ro tăng trưởng kinh tế: do ảnh hưởng của nền kinh tế phục hồi sau dịch, thay đổi về chính sách và nhu cầu thị trường đã gây ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của Công ty.

❖ **Rủi ro pháp luật:**

Rủi ro về pháp luật là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng chung đến toàn ngành. Những thay đổi trong chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ sẽ có những tác động nhất định đến hoạt động của Công ty. Là công ty cổ phần đã niêm yết trên sàn chứng khoán, Công ty Cổ phần HTC Holding chịu sự chi phối của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thương mại,... và các chính sách của Nhà nước liên quan. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật chưa hoàn thiện, còn nhiều quy định chồng chéo, những thay đổi trong hệ thống luật có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động.

Để hạn chế rủi ro về pháp luật, Công ty liên tục phải cập nhật hệ thống văn bản pháp luật, tiến hành nghiên cứu, phân tích và dự báo về sự thay đổi của pháp luật có thể ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cũng như tới toàn thể cán bộ, công nhân viên và cổ đông của Công ty.

❖ **Rủi ro khác:**

Ngoài các rủi ro kể trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra nhưng sẽ tác động tới tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, đó là thiên tai, bão lụt, bệnh dịch, chiến tranh,...

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

❖ **Thông tin ngành**

Trong năm 2022, theo số liệu từ các tổ chức thế giới cho thấy sản lượng sản xuất gạo toàn cầu đều giảm nhẹ so với năm trước. Trong khi đó, chỉ số giá gạo FAO đạt 114,6 điểm, tăng 2,3% so với tháng 10/2022 và tăng 14,7% so với cùng kỳ năm ngoái.

Điều này cho thấy nhu cầu gạo vẫn tiếp tục tăng. Đối mặt với nhiều biến cố của thị trường lương thực thế giới năm 2022 nhưng xuất khẩu gạo Việt Nam đã đạt gần 7,2 triệu tấn với giá trị 3,49 tỷ USD. Điều đặc biệt là gạo Việt Nam đã vươn sâu vào các thị trường có những yêu cầu rất khắt khe về chất lượng như Nhật Bản, EU... và gạo thơm ST24, ST25 xuất khẩu đã có giá trên 1.000 USD/tấn, gấp hơn 2 lần giá xuất khẩu gạo trắng thông thường. Đây cũng là một năm khá thành công cho các doanh nghiệp xuất khẩu gạo khi có nhiều đơn hàng xuất khẩu từ các thị trường lớn.

Dự báo về thị trường 2023, theo các chuyên gia, xuất khẩu gạo sẽ tiếp tục thuận lợi nhờ giá gạo trong ngắn hạn vẫn duy trì ở mức cao do những bất ổn về kinh tế, chính trị toàn cầu khiến nhu cầu dự trữ lương thực tăng lên. Những tín hiệu tích cực từ thị trường, giá ở mức cao nên hợp đồng xuất khẩu gạo trong niên vụ sản xuất mới sẽ tốt. Nông dân cũng sẽ có lợi nhuận tốt hơn.

❖ **Kết quả hoạt động kinh doanh so với kế hoạch**

Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2022

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2022	TH năm 2022	TH năm 2021/KH năm 2021 (%)
Doanh thu	Đồng		97,793,150,000	
Lợi nhuận sau thuế	Đồng			

Kết quả kinh doanh qua các năm

Bảng chỉ tiêu kết quả kinh doanh giai đoạn 3 năm (2020– 2022)

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	2020	2021	2022	2022/2021 (%)
Doanh thu thuần	28.655.822.080	29.881.583.484	97,793,150,000	
Giá vốn hàng bán	22.865.569.204	29.137.223.573	95,980,400,000	
Lợi nhuận trước thuế	645.175.457	177.313.450	1,261,727,197	
Lợi nhuận sau thuế	606.275.576	151.585.089	992,767,186	

Nguyên nhân:

- Doanh thu năm 2022 tăng đột biến so với doanh thu năm 2021 vì công ty dịch chuyển tốt mô hình kinh doanh từ 1 đơn vị thuần sản xuất trở thành 1 đơn vị thương mại chuyên cung ứng gạo cho các đầu mối xuất khẩu gạo lớn tại khu vực.
- Với ưu thế tiếp cận được nguồn hàng tận gốc, vòng quay hàng nhanh nên lợi nhuận sau thuế năm 2022 của công ty tăng trưởng tốt hơn 2021.

2. Tổ chức và nhân sự

a. Ban điều hành

Giới thiệu ban điều hành: Phần 1

b. Lao động

❖ **Cơ cấu nhân sự**

PHÂN LOẠI LAO ĐỘNG	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ
1. Phân theo trình độ chuyên môn		
- Đại học, trên Đại học	4	100%

2. Phân loại theo thời hạn hợp đồng lao động		
- HĐLĐ không thời hạn	3	42%
- HĐLĐ theo thời vụ	4	58%

❖ **Chính sách đối với người lao động:**

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 08 giờ/ngày, 06 ngày/tuần, nghỉ trưa 60 phút. Công ty tuân thủ các chế độ trả lương, thời gian làm thêm giờ và công khai minh bạch chính sách chế độ với người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ: Nhân viên công ty khi nghỉ ốm sẽ hưởng trợ cấp ốm đau do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật Lao động. Trong thời gian nghỉ thai sản (06 tháng) người lao động sẽ được nhận trợ cấp thai sản tương đương 06 tháng tiền lương do Quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả. Cán bộ nhân viên được nghỉ các ngày lễ, Tết theo quy định của Nhà nước.

Điều kiện làm việc: Công ty bố trí đầy đủ điều kiện văn phòng làm việc cho cán bộ nhân viên. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động. Các nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực làm việc, phù hợp với môi trường làm việc của Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh. Những lao động đảm nhận vị trí cao được Công ty lựa chọn kỹ càng nhằm đáp ứng được năng lực, trình độ và kinh nghiệm theo yêu cầu của mỗi vị trí công việc.

Đào tạo: Công ty hết sức chú trọng tới công tác đào tạo nguồn nhân lực. Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo chuyên đề để nâng cao trình độ tay nghề, khuyến khích cán bộ nhân viên tham gia các khóa học để nâng cao kiến thức chuyên môn nhằm ngày càng đáp ứng được yêu cầu công việc.

❖ **Chính sách lương thưởng:**

Chính sách lương: Công ty áp dụng thang bảng lương tiền tiến tự xây dựng phù hợp với đặc thù sản xuất kinh doanh của Công ty, người lao động được nhận tiền lương, tiền thưởng,.. căn cứ vào hợp đồng lao động, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty và kết quả công việc cụ thể của từng người theo Quy chế của Công ty. Hàng năm Công ty tiến hành điều chỉnh lương cho toàn bộ công nhân viên ít nhất một lần nhằm đảm bảo nguồn thu nhập của cán bộ công nhân viên ít nhất một lần nhằm đảm bảo nguồn thu nhập của cán bộ công nhân viên ngày càng cải thiện, tạo sự gắn kết lâu dài của CBCNV với Công ty và thu hút các lao động có trình độ cao.

Chính sách thưởng: nhằm khuyến khích động viên người lao động nâng cao năng suất và hiệu quả công việc, ngoài các quyền lợi được quy định bởi Luật lao động cán bộ công nhân viên trong Công ty còn được hưởng một số ưu đãi tùy thuộc vào mức độ đóng góp của bản thân người lao động cho Công ty. Định kì hàng tháng, hàng năm căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí Công ty sẽ có mức khen thưởng hợp lí.

❖ Các chế độ chính sách khác đối với lao động

Công ty thực hiện các chế độ đảm bảo xã hội cho người lao động theo Luật lao động, nội quy lao động. Công ty chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động. Hàng năm công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ cán bộ công nhân viên. Cùng với đó tạo sự thư giãn sau những ngày làm việc vất vả, tạo sự gắn kết giữa các bộ phận trong Công ty, hàng năm vào các dịp lễ tết Công ty luôn tổ chức các chương trình giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể thao giữa các bộ phận. Đồng thời Công ty thường xuyên tổ chức cho CBCNV và người thân trong gia đình đi tham quan, nghỉ mát,...

3. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tăng giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	74.103.383.771	75.058.596.443	
Doanh thu thuần	29.881.583.484	97.793.150.000	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-743.357.416	1.269.800.056	
Lợi nhuận khác	920.670.866	-8.072.859	
Lợi nhuận trước thuế	177.313.450	1.261.727.197	
Lợi nhuận sau thuế	151.585.089	992.767.186	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú/Note
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLD/Nợ ngắn hạn)	5,36	1.334	
+ Hệ số thanh toán nhanh (= (TSLD - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	5,36	1.334	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,11	0,11	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,12	0,12	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	1,58	0	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,34	1.302	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.51	0.0105	

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,23	0.0164	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,18	0,0132	

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ phần

Tính đến hết ngày 31/12/2022, Công ty Cổ phần HTC Holding đã phát hành 6.050.000 cổ phiếu. Trong đó:

- Số cổ phần phổ thông: 6.050.000 cổ phiếu
- Số cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần
- Số cổ phần đang lưu hành: 6.050.000 cổ phiếu
- Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng

Cơ cấu cổ đông (tại thời điểm tháng 27/05/2022)

STT	Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần sở hữu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	585	6.045.570	6.045.570.000	99,92
	Cổ đông tổ chức	2	195	1.950.000	0,032
	Cổ đông cá nhân	583	6.043.750	6.043.750.000	99,89
2	Cổ đông nước ngoài	4	4.430	44.300.000	0,08
	Cổ đông tổ chức	2	1400	14.000.000	0,023
	Cổ đông cá nhân	2	3030	30.300.000	0,050
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0
	Tổng cộng		6.050.000	60.500.000.000	100%

Danh sách cổ đông lớn (tại thời điểm 27/05/2022)

STT	Họ và tên cổ đông	Số CMT	Địa chỉ	Số lượng CP	Tỷ lệ
1	Trần Hoàng Cường	080085000087	146 đường số 2, phường 13, quận 6, tp Hồ Chí Minh	1.450.000	23,97%
2	Lê Thị Tuyết Vân	300686590	Số 7 Nguyễn Cơ Thạch, phường An Lợi Đông, quận 2, tp Hồ Chí Minh	1.230.000	20.33%
3	Nguyễn Minh Thùy	074188001079	Số 1 Nguyễn Thanh Sơn, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, tp Hồ Chí Minh	696.000	11,50%

4	Nguyễn Tấn Thọ	079090011395	439A/91/8 Đường CMT8, Phường 13, Quận 10, Tp Hồ Chí Minh	527.865	8.73%
---	----------------	--------------	---	---------	-------

Lịch sử tăng vốn

Quá trình tăng vốn điều lệ:

- Tháng 10/2009, vốn điều lệ khi thành lập là 03 tỷ đồng.
- Đến tháng 07/2013, vốn điều lệ sau khi phát hành riêng lẻ là 10 tỷ đồng.
- Đến tháng 12/2015, vốn điều lệ sau khi phát hành riêng lẻ là 55 tỷ đồng.
- Đến tháng 06/2018, vốn điều lệ sau khi trả cổ tức bằng cổ phiếu là 60,5 tỷ đồng.

5. Thông tin liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng, xã hội

- Vào các dịp lễ Tết, Công ty phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức xã hội tổ chức các buổi trao quà mừng Tết cho các hộ nghèo, hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đánh giá tổng quan hoạt động sản xuất kinh doanh (đơn vị: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	Kh 2022	Thực hiện		Tăng trưởng (%)	
		2021	2022	So với KH	So với 2021
Tổng doanh thu	60.000	29.881	97.793	62,24%	Tăng 227 %
Lợi nhuận sau thuế	3.000	127	992	-66,93%	Tăng 676%

2. Tình hình tài chính

Tình hình tài sản và nợ phải trả

12
TY
AN
DINH
HIA

Chi tiêu	31/12/2022	31/12/2021	Chênh lệch	% Chênh lệch
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	10,486,596,443	51,503,140,914	(41,016,544,471)	(79.64)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	309,801,432	258,140,914	51,660,518	20.01
1. Tiền	309,801,432	258,140,914	51,660,518	20.01
2. Các khoản tương đương tiền	-	-	-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	10,170,908,611	51,245,000,000	(41,074,091,389)	(80.15)
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	369,500,000	6,245,000,000	(5,875,500,000)	(94.08)
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8,415,500,000	-	8,415,500,000	(96.92)
3. Phải thu ngắn hạn khác	1,385,908,611	45,000,000,000	(43,614,091,389)	(96.92)
IV. Hàng tồn kho	-	-	-	-
1. Hàng tồn kho	-	-	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	5,886,400	1,824,400,632	(1,818,514,232)	(99.68)
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	5,886,400	-	5,886,400	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-	-	-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	64,600,000,000	22,600,000,000	42,000,000,000	185.84
I. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-	-
II. Tài sản cố định	-	-	-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	-	-	-	-
- Nguyên giá	-	-	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-	-
- Nguyên giá	-	-	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	64,600,000,000	22,600,000,000	42,000,000,000	185.84
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	64,600,000,000	22,600,000,000	42,000,000,000	185.84
VI. Tài sản dài hạn khác	-	-	-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	75,086,596,443	74,103,140,914	983,455,529	1.33
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	7,857,918,113	7,867,229,770	(9,311,657)	(0.12)
I. Nợ ngắn hạn	7,857,918,113	7,867,229,770	(9,311,657)	(0.12)
1. Phải trả người bán ngắn hạn	-	7,302,751,389	(7,302,751,389)	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	6,991,320,000	-	6,991,320,000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	315,230,612	118,110,880	197,119,732	166.89
4. Phải trả người lao động	105,000,000	-	105,000,000	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-	-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	-	-	-	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	446,367,501	446,367,501	-	-
II. Nợ dài hạn	-	-	-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	67,228,678,330	66,235,911,144	992,767,186	1.50
I. Vốn chủ sở hữu	67,228,678,330	66,235,911,144	992,767,186	1.50
1. Vốn góp của chủ sở hữu	60,500,000,000	60,500,000,000	-	-
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	60,500,000,000	60,500,000,000	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	446,367,502	446,367,502	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6,282,310,828	5,289,543,642	992,767,186	18.77
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ tr	5,289,543,642	4,555,363,703	734,179,939	16.12
- LNST chưa phân phối kỳ này	992,767,186	734,179,939	258,587,247	35.22
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	75,086,596,443	74,103,140,914	983,455,529	1.33

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Theo quá trình phát triển và gia tăng cán bộ nhân viên của các phòng ban theo lượng công việc, Công ty tiến hành phân tách phòng ban theo chứng năng, thực hiện phối hợp thực hiện công việc nhóm có sự phối hợp linh hoạt để đạt được mục tiêu công việc.
- Chế độ họp giao ban tuần và đánh giá định kỳ tháng/quý được duy trì thực hiện.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Trong giai đoạn tiếp theo, Công ty chủ trương đầu tư phát triển công nghệ sản xuất sản phẩm, đẩy mạnh công tác marketing bán hàng tại thị trường mục tiêu, tìm kiếm các ngành hàng, lĩnh vực mới.
- Tiếp tục cải tiến và không ngừng đổi mới sáng tạo trong sản xuất, cải tiến dây chuyền sản xuất nâng cao năng suất.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

❖ Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh (đơn vị: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện		Tăng trưởng %
	2022	2021	So với 2021
Tổng Doanh thu	97.793	29.881	Tăng 227 %
Lợi nhuận sau thuế	992	127	Tăng 676%
Tỷ lệ trả cổ tức	Không chi trả	Không chi trả	

Có thể nhận thấy, doanh thu năm 2022 có tăng mạnh so với năm 2021 tỷ lệ thuận với lợi nhuận cũng tăng trưởng rất tốt, lý do : doanh nghiệp lựa chọn phương án thương mại nông sản, tối ưu nhất vòng quay vốn tạo lợi nhuận tốt trong thời điểm kinh tế khó khăn sau đại dịch.

❖ Đánh giá các mặt hoạt động khác:

Để thu hút nhân lực có trình độ và năng lực, Công ty tăng cường triển khai các khóa đào tạo nội bộ, cử đi học đào tạo các khóa học ngắn hạn đối với các cấp quản lý cấp trung nhằm gia tăng kỹ năng quản lý, giao việc và kiểm soát kết quả thực hiện công việc.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Đảm bảo điều hành công ty theo đúng định hướng của Đại hội đồng cổ đông.
- Tuân thủ điều lệ Công ty, thực hiện nghiêm túc các chế độ báo cáo về hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Linh hoạt trong điều chỉnh chiến lược, phương hướng hành động để đạt mục tiêu kế hoạch.

❖ Định hướng:

- Nâng cao thị phần đối với các sản phẩm chất thơm thể mạnh có nguồn gốc thiên nhiên và

khai thác thị trường các sản phẩm mới tiềm năng.

- Dẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển, cải tiến sáng tạo đối với hoạt động sản xuất, nghiên cứu thị trường.

- Chuyên nghiệp trong việc tổ chức và tham gia các hội chợ, hội nghị, hội thảo chuyên ngành, phát triển thương hiệu của Công ty trở thành thương hiệu đa ngành nghề, đa lĩnh vực.

❖ **Phương hướng thực hiện:**

- Để đạt được các chỉ tiêu nêu trên, HĐQT Công ty đã chỉ đạo Ban giám đốc xây dựng chi tiết phương án và các giải pháp duy trì và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, bao gồm:

+ Phương án sản xuất kinh doanh cần đề ra mục tiêu rõ ràng theo thời gian, có phương thức theo dõi, đánh giá hiệu quả thực hiện theo từng giai đoạn.

+ Tăng cường hoạt động kết nối, duy trì mối quan hệ với các thành viên thuộc hiệp hội tình dầu và chất thơm quốc tế IFEAT và các tổ chức chuyên ngành khác

+ Tăng cường công tác điều tra thị trường, phân tích dữ liệu lịch sử hoạt động để có phương án kinh doanh phù hợp.

+ Làm mạnh thương hiệu công ty và tìm kiếm các sản phẩm mới.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

❖ **Thành viên HĐQT**

STT	Họ tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bà Lê Hoàng Đài Trang	CT HĐQT	0 Cổ phiếu	0%
2	Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên HĐQT	0 Cổ phiếu	0%
3	Ông Tạ Tiến Dũng	Thành viên HĐQT	0 Cổ phiếu	0%

❖ **Đánh giá hoạt động của HĐQT**

- Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã tiến hành nhiều cuộc họp nhằm chỉ đạo, định hướng hoạt động của Công ty, nhận xét và đánh giá tình hình sản xuất, đưa ra các giải pháp khắc phục khó khăn.

- Hội đồng quản trị thường xuyên nhắc nhở và đôn đốc Ban giám đốc cũng như người phụ trách công bố thông tin thực hiện báo cáo và công bố thông tin đúng với quy định của pháp luật hiện hành.

2. Ban Kiểm soát

❖ **Thành viên BKS**

STT	Họ tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
-----	--------	---------	--------------------------------	---------------------

1	Bà Vi Thủy Trang	Trưởng BKS	0 Cổ phiếu	0%
2	Ông Chử Lương Huân	Thành viên BKS	0 Cổ phiếu	0%
3	Bà Phan Thị Nhung	Thành viên BKS	0 Cổ phiếu	0%

❖ **Đánh giá hoạt động của BKS**

- Thường xuyên đánh giá kết quả thực hiện công tác giám sát, tăng cường và đổi mới phương pháp kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động và tình hình tài chính của Công ty.
- Nghiêm túc kiểm tra giám sát công tác quản lý điều hành Công ty thông qua giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị công ty.
- Thâm định các báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính phối hợp đơn vị kiểm toán thâm định kết quả báo cáo đảm bảo tính chính xác của báo cáo công bố

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Thù lao của HĐQT, BKS và BGD

	Họ tên	Chức vụ	Thù lao (đồng/tháng)
Hội đồng quản trị	Bà Lê Hoàng Đài Trang	CT HĐQT	7.000.000
	Ông Nguyễn Thành Trung	TV HĐQT	3.000.000
	Ông Tạ Tiến Dũng	TV HĐQT	3.000.000
Ban kiểm soát	Bà Vi Thủy Trang	Trưởng BKS	3.000.000
	Ông Chử Lương Huân	TV BKS	1.000.000
	Bà Phan Thị Nhung	TV BKS	1.000.000
Ban giám đốc	Ông Tạ Tiến Dũng	Giám đốc	15.000.000

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ: Không có

VI. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 được công bố tại link: <https://cetholding.vn/bao-cao-tai-chinh-kiem-toan-nam-2022/>



GIÁM ĐỐC

Tạ Tiến Dũng